TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **672**/2022/HC-PT
Ngày 24 – 08 – 2022
V/v "Khiếu kiện Quyết định hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- ***Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phan Tô Ngọc

Các Thẩm phán: Ông Phạm Trí Tuấn

Ông Nguyễn Văn Minh

- ***Thư ký phiên toà***: Bà Dương Thị Thu Phương - Thư ký Toà án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa***: Ông Nguyễn Văn Đức - Kiểm sát viên cao cấp.

Ngày 24 tháng 8 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh, công khai xét xử phúc thẩm vụ án hành chính thụ lý số: 158/2022/HCPT ngày 06 tháng 4 năm 2022 về việc "*Khiếu kiện quyết định hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai"*.

Do có kháng cáo của bà Lê Thị V đối với bản án hành chính sơ thẩm số 29/2021/HCST ngày 31- 12- 2021 của Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 1322/2022/QĐPT ngày 29 tháng 6 năm 2022 của Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh, giữa:

- *Người khởi kiện:* Bà **Lê Thị V**, sinh năm 1955; địa chỉ: xã T, huyện B, tỉnh Bình Dương. (Có văn bản đề nghị xét xử vắng mặt)

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp: Ông **Nguyễn Cảnh N** - Luật sư Văn phòng Luật sư NCN thuộc Đoàn Luật sư Tp HN; địa chỉ: đường H (ô số 6, tái định cư tại chỗ khu ĐTM Y), phường H, quận G, Tp HN. (có văn bản đề nghị xét xử vắng mặt)

- *Người bị kiện:*

1. **Ủy ban nhân dân tỉnh D**; địa chỉ: Trung tâm hành chính tỉnh D, phường P, tp M, tỉnh Bình Dương.

Người đại diện hợp pháp: Ông Mai Hùng D – Phó Chủ tịch UBND tỉnh D; địa chỉ: Trung tâm hành chính tỉnh D, phường P, tp M, tỉnh Bình Dương

(theo Văn bản ủy quyền số 592/UBND-KT ngày 08/02/2021; có văn bản đề nghị xét xử vắng mặt).

2. **Ủy ban nhân dân huyện B**; địa chỉ: Thị trấn L, huyện B, tỉnh Bình Dương.

Người đại diện hợp pháp: Ông Nguyễn Văn T – Phó Chủ tịch UBND huyện B; địa chỉ: Thị trấn L, huyện B, tỉnh Bình Dương (theo Văn bản ủy quyền số 116/UQ-UBND ngày 01/12/2020); (Có văn bản đề nghị xét xử vắng mặt).

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Ông **Nguyễn Văn T**, sinh năm 1951; địa chỉ: xã T, huyện B, tỉnh Bình Dương. (Có văn bản đề nghị xét xử vắng mặt)

2. Ông **Nguyễn Văn T1**, sinh năm 1977; địa chỉ: xã T, huyện B, tỉnh Bình Dương (Có văn bản đề nghị xét xử vắng mặt)

3. Bà **Lê Trần Lệ N**, sinh năm 1981; địa chỉ: xã T, huyện B, tỉnh Bình Dương. (Có văn bản đề nghị xét xử vắng mặt)

4. Bà **Nguyễn Lê Thùy D**, sinh năm 2001; địa chỉ: xã T, huyện B, tỉnh Bình Dương. (Có văn bản đề nghị xét xử vắng mặt)

5. Bà **Nguyễn Thị T2**, sinh năm 1979; địa chỉ: xã T, huyện B, tỉnh Bình Dương. (Có văn bản đề nghị xét xử vắng mặt)

6. Cháu **Huỳnh Minh Đ**, sinh năm 2005; địa chỉ: xã T, huyện B, tỉnh Bình Dương. (Có văn bản đề nghị xét xử vắng mặt)

7. Cháu **Huỳnh Minh T3,** sinh năm 2017; địa chỉ: xã T, huyện B, tỉnh Bình Dương.

Người đại diện theo pháp luật của cháu Huỳnh Minh Đ và cháu Huỳnh Minh T3: Bà Nguyễn Thị T2, sinh năm 1979 (mẹ ruột); địa chỉ: xã T, huyện B, tỉnh Bình Dương. (Có văn bản đề nghị xét xử vắng mặt)

8. Cháu **Nguyễn Bá K**, sinh năm 2017; địa chỉ: xã T, huyện B, tỉnh Bình Dương (Có văn bản đề nghị xét xử vắng mặt)

9. Cháu **Nguyễn Bá T4**, sinh năm 2020; địa chỉ: xã T, huyện B, tỉnh Bình Dương. (Có văn bản đề nghị xét xử vắng mặt)

Người đại diện theo pháp luật của cháu Nguyễn Bá K và cháu Nguyễn Bá T4: Ông Nguyễn Văn T2, sinh năm 1979 và bà Lê Trần Lệ N, sinh năm 1981 (cha mẹ ruột); cùng địa chỉ: xã T, huyện B, tỉnh Bình Dương.

Ông Nguyễn Văn T, ông Nguyễn Văn T1, bà Lê Trần Lệ N, bà Nguyễn Lê Thùy D, bà Nguyễn Thị T2 (Có văn bản đề nghị xét xử vắng mặt).

10. **Ủy ban nhân dân xã H**, huyện B, tỉnh Bình Dương; địa chỉ: Xã H, huyện B, tỉnh Bình Dương. (Có văn bản đề nghị xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 28 tháng 8 năm 2022, các đơn khởi kiện sửa

đổi, bổ sung và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, người khởi kiện là bà Lê Thị V trình bày:

Vào khoảng trước năm 1991 gia đình bà Lê Thị V sử dụng diện tích 3.062,4m^2 thuộc thửa đất số 77, tờ bản đồ số 13 tại ấp 6, xã H, huyện B, trên đất có nhà ở và các công trình phụ, gia đình bà quản lý, sử dụng diện tích đất nêu trên đến nay, nguồn gốc đất do ông Nguyễn Văn T chồng bà nhận chuyển nhượng từ ông Nguyễn Văn B, giấy nhận chuyển nhượng có chứng nhận của Ban ấp 6.

Năm 1993, Chi cục thuế huyện C đã tiến hành đo đất và thu thuế nhà đất của gia đình bà V. Gia đình bà V đã thực hiện đóng thuế đất trồng cây lâu năm và thuế nhà đất với Nhà Nước từ năm 1992 đến năm 2000. Như vậy, gia đình bà V đã sử dụng ổn định diện tích đất tại ấp 6, xã H, huyện B từ trước ngày 15/10/1993.

Ngày 24/01/2017, Ủy ban nhân dân (viết tắt là UBND) tỉnh D đã ban hành Quyết định số 167/QĐ-UBND thu hồi khu đất có diện tích 59.291,3m^2 tại xã H để xây dựng trung tâm văn hóa thể thao và trường mầm non xã H. Ngày 18/01/2019 UBND tỉnh D đã ban hành quyết định số 161/QĐ-UBND điều chỉnh Quyết định số 167/QĐ-UBND ngày 24/01/2017 thay đổi diện tích đất thu hồi từ 59.291,3m^2 lên 60.602,9m^2, trong đó có thu hồi thửa đất số 77 của hộ gia đình bà V. Tuy nhiên, UBND tỉnh D và Trung tâm phát triển quỹ đất huyện B chỉ gửi cho hộ gia đình bà V bảng phương án hỗ trợ về đất và tài sản gắn liền với đất ban hành kèm theo Quyết định số 1585/QĐ-UBND ngày 04/9/2017 của UBND huyện B về việc phê duyệt phương án hỗ trợ đất và tài sản gắn liền với đất. Đến ngày 02/01/2020 gia đình bà V mới nhận được các quyết định thu hồi đất nêu trên do Trung tâm phát triển quỹ đất huyện B gửi. Bà V cho rằng việc thu hồi đất của UBND tỉnh D và của UBND huyện B đối với gia đình bà V là trái quy định bởi gia đình sử dụng ổn định liên tục cùng một mục đích, có nộp thuế đất từ năm 1992 đến nay thì diện tích đất của gia đình bà V đã đủ điều kiện được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (viết tắt là GCNQSDĐ), UBND tỉnh D cho rằng đây là đất công và ban hành các quyết định nêu trên để thu hồi khu đất 60.602,9m² mục đích xây dựng công trình văn hóa, thể dục thể thao, vui chơi, giải trí công cộng là trái về mục đích sử dụng đất theo quy định của pháp luật.

Theo ý kiến bà V nếu diện tích đất của gia đình bà đang sử dụng thuộc trường hợp phải thu hồi thì UBND huyện B phải căn cứ vào quy định của Luật Đất đai để tiến hành thu hồi, phải thông báo thu hồi đất cho người có đất thu hồi biết và phải ra quyết định thu hồi đất, quyết định phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư trong cùng một ngày.

Tuy nhiên, UBND huyện B đã xác định trường hợp thu hồi của gia đình bà V là trường hợp thu hồi đất quy định tại điểm đ, khoản 1 Điều 64 Luật Đất đai năm 2013: "Đất được Nhà nước giao để quản lý mà để bị lấn, chiếm" thuộc trường hợp Nhà nước thu hồi không bồi thường về đất, để không bồi thường về đất cho gia đình bà V và ban hành Quyết định số 1585/QĐ-UBND ngày 04/9/2019 về việc phê duyệt phương án hỗ trợ đất và tài sản gắn liền với đất mà

không ra thông báo thu hồi đất cho từng hộ gia đình có đất thu hồi biết, không có quyết định thu hồi đất đến từng hộ gia đình là trái pháp luật. Đến ngày 07/11/1995 thì Công ty Cao su P mới bàn giao 657ha đất cho UBND xã H quản lý, trong đó có 382 ha đất nông nghiệp nằm tại khu T40 và đập Ba Vi; 255 ha đất là đất khu dân cư nằm tại ấp 1, 2, 3, 4, 5, 6 và 20 ha đất là loại đất ao hồ, hố bom. Việc này được thể hiện tại biên bản giao nhận đất ngày 07/11/1995 giữa Công ty Cao su P với UBND xã H và Công văn số 237/KH-VC ngày 29/11/2001 của Công ty cao su P. Vậy có cơ sở xác định trước khi Công ty Cao su P bàn giao cho UBND xã H quản lý, thì hộ gia đình bà V đã sử dụng ổn định và đóng thuế cho Nhà nước nên diện tích đất của gia đình bà V đang sử dụng đã là đất dân cư từ trước năm 1995, không phải là đất công của UBND xã H đang quản lý sử dụng bị các hộ dân lấn chiếm. Việc UBND huyện B không cho các hộ dân được hưởng tiền bồi thường về đất mà chỉ hỗ trợ về đất là trái quy định mà diện tích đất này đều thuộc trường hợp được bồi thường về đất.

Bà V cho rằng việc UBND huyện B không bồi thường đất ở cho các hộ dân là hoàn toàn trái pháp luật vì hộ gia đình bà V đã đóng thuế đất ở và đã xây nhà ở ổn định từ năm 1992 đến nay, trong đó có diện tích đất ở. Khi nhà hư cũ gia đình bà có tháo dỡ để xây lại nhưng chính quyền địa phương đã không cho thực hiện. Như vậy, trong phần diện tích bị thu hồi của gia đình bà V có một phần diện tích đất ở đã được xây dựng nhà ở và các công trình.

Căn cứ vào quy định tại Điều 79 Luật Đất đai và Điều 6 Nghị định số 47/2014 của Chính phủ có quy định bồi thường về đất khi Nhà nước thu hồi đất ở thì UBND huyện B phải bồi thường giá đất ở hoặc bồi thường bằng đất ở hoặc nhà ở tái định cư cho hộ gia đình bà V. Như vậy, việc UBND huyện B cấp đất nông nghiệp cho các hộ gia đình để làm nhà ở là trái quy định của pháp luật, điều này không những không đảm bảo quyền lợi hợp pháp cho các hộ dân có đất bị thu hồi mà còn vi phạm pháp luật về việc sử dụng đất sai mục đích.

Vì vậy, bà V khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết các vấn đề sau:

- Hủy một phần Quyết định số 1585/QĐ-UBND ngày 04/9/2019 của UBND huyện B đối với phần hỗ trợ diện tích đất 3.062,4m^2 của bà Lê Thị V ảnh hưởng dự án;

- Hủy một phần Quyết định số 167/QĐ-UBND ngày 24/01/2017 của UBND tỉnh D về việc thu hồi đất công có diện tích 59.291,3m^2 do UBND xã H quản lý để đầu tư xây dựng Trung tâm văn hóa thể thao và Trường mầm non liên quan đến phần đất của gia đình bà Lê Thị V;

- Hủy một phần Quyết định số 161/QĐ-UBND ngày 18/01/2019 của UBND tỉnh D về việc điều chỉnh một số nội dung tại Quyết định số 167/QĐ-UBND ngày 24/01/2017 liên quan đến phần đất của gia đình bà Lê Thị V.

**** Tại bản giải trình, người đại diện theo ủy quyền của người bị kiện UBND tỉnh Bình Dương trình bày:***

Thửa đất do bà Lê Thị V sử dụng có diện tích 3.062,4m^2 thuộc thửa đất số 77, tờ bản đồ số 13 nằm trong khu đất công do UBND xã H quản lý có tổng diện

tích 60.602,9m^2 *(theo đo đạc hiện trạng)*, tọa lạc tại ấp 6, xã H, huyện B có nguồn gốc như sau:

- Năm 1976, cơ quan chức năng quy hoạch phân lô thành khu dân cư giao các hộ dân làm kinh tế mới để sử dụng sản xuất. Tuy nhiên do đời sống kinh tế khó khăn nên các hộ dân được giao đất đã bỏ đi nơi khác.

- Từ năm 1986, khu đất trên được phê duyệt giao cho Công ty Cao su P tại Quyết định số 326-CT ngày 31/12/1986 của Chủ tịch Hội đồng Bộ trưởng về việc phê duyệt dự án đầu tư của Liên hiệp các xí nghiệp cao su P, Tổng cục cao su và Quyết định số 01/QĐ-UB ngày 06/01/1989 của UBND tỉnh S về việc thuận quy hoạch ranh giới đất trồng cây cao su trên địa bàn tỉnh S của các Công ty cao su Trung ương.

- Ngày 28/7/1995, UBND xã H ban hành Thông báo số 01/TB-UB và yêu cầu Nông trường Cao su T5, ấp trưởng ấp 6 thông báo rộng rãi đến toàn thể công nhân viên, nhân viên địa phương không được phép trồng cây lâu năm, xây dựng nhà, nhà chòi canh tác trên diện tích nói trên khi chưa có sự đồng ý của Nông trường cao su và UBND xã. Cùng năm 1995, Công ty Cao su P do không có nhu cầu sử dụng đất và bàn giao lại diện tích 657ha (trong đó có 225ha đất khu dân cư bao gồm khu đất 60.602,9m^2) cho UBND xã H quản lý theo biên bản bàn giao đất lập ngày 07/11/1995. Tại thời điểm bàn giao đất thì trên khu đất diện tích 60.602,9m^2 đã có các hộ dân lấn, chiếm và sử dụng.

- Dự án Quy hoạch Khu trung tâm hành chính và các công trình công cộng xã H được UBND huyện C thuận duyệt ngày 05/9/1997.

- Năm 2002, hộ bà Bùi Thị Kim O và ông Đoàn Hùng D đã có đơn khiếu nại yêu cầu được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, tuy nhiên, UBND huyện C và UBND tỉnh D đã giải quyết bác đơn bà Bùi Thị Kim O bác đơn ông D, bà O.

- Năm 2004 và 2006, UBND xã tổ chức kiểm kê hiện trạng cây trồng của các hộ dân đang sử dụng khu đất nêu trên. Việc kiểm kê được lập thành biên bản, trong đó đề nghị các hộ dân không được trồng thêm bất kỳ loại cây nào khác kể từ khi kiểm kê và đã được các hộ dân đồng ý ký tên.

- Ngày 08/3/2006, UBND xã H có Thông báo số 04/TB-UBND về việc giải tỏa, di dời và thu hồi đất quy hoạch tại ấp 6, xã H.

- Từ năm 2014, UBND xã H và các ban, ngành của xã và huyện đã nhiều lần tổ chức làm việc, đối thoại, tuyên truyền, vận động, đề nghị các hộ dân trả lại đất lấn, chiếm tại khu đất 5,9 ha nhưng các hộ dân không đồng ý trả lại đất.

- Ngày 13/4/2015, UBND huyện B ban hành Quyết định số 685/QĐ-UBND về việc phê duyệt danh mục quỹ đất công do UBND xã H quản lý, sử dụng *(bao gồm khu đất 5,9 ha trên).*

- Ngày 23/12/2015, UBND tỉnh ban hành Văn bản số 4595/UBND-KTN về việc thu hồi khu đất có diện tích 59.291,3m^2 tại xã H giao cho UBND huyện B xây dựng khu Trung tâm Văn hóa thể thao và Trường mầm non xã H theo quy hoạch đã được UBND tỉnh phê duyệt.

- Dự án xây dựng Trung tâm Văn hóa thể thao và Trường mầm non xã H

thuộc trường hợp Nhà nước thu hồi đất theo quy định tại Điều 62 Luật Đất đai năm 2013, được Hội đồng nhân dân tỉnh thông qua tại Nghị quyết số 59/NQ-HĐND9 ngày 16/12/2016 và được Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt Kế hoạch sử dụng đất năm 2017 huyện B tại Quyết định số 3784/QĐ-UBND ngày 30/12/2016.

- Theo đề nghị của Ủy ban nhân dân huyện B, UBND tỉnh ban hành Quyết định số 167/QĐ-UBND ngày 24/01/2017 về việc thu hồi khu đất có diện tích 59.291,3m^2 *(sau đó được điều chỉnh thành 60.602,9m^2 tại Quyết định số 161/QĐ-UBND ngày 18/01/2019)* để đầu tư xây dựng Trung tâm văn hóa thể thao và Trường mầm non xã H.

- Ngày 04/9/2019, UBND huyện B ban hành Quyết định số 1585/QĐ-UBND về việc phê duyệt phương án hỗ trợ về đất và tài sản trên đất dự án tổng thể giải phóng mặt bằng khu đất công diện tích 60.602,9m^2 tại ấp 6, xã H.

Khu đất trên đã được Nhà nước thiết lập, quản lý và sau đó giao cho Công ty Cao su P sử dụng trước khi các hộ dân đến lấn, chiếm và sử dụng. Do đó, việc yêu cầu được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cũng như yêu cầu được bồi thường về đất khi Nhà nước thu hồi đất của các hộ dân là không có cơ sở xem xét, giải quyết.

Tuy nhiên, để tạo điều kiện cho các hộ dân đang sử dụng đất trong khu vực dự án được ổn định đời sống, sản xuất, UBND tỉnh đã giao UBND huyện B lập phương án hỗ trợ di dời, giải phóng mặt bằng đối với từng thửa đất thuộc khu đất 60.602,9m^2, phương án hỗ trợ phải gắn với điều kiện sống, sinh hoạt cụ thể của từng hộ gia đình và các chính sách về an sinh xã hội đang thực hiện tại địa phương tại Quyết định số 167/QĐ-UBND ngày 24/01/2017; đồng thời, chấp thuận cho UBND huyện B được sử dụng một phần diện tích 6.165,4m^2 trong tổng diện tích thu hồi 60.602,9m^2 để giao đất cho 14 hộ dân đang sử dụng khu đất nêu trên tại Văn bản số 310/UBND-KTN ngày 18/01/2019.

UBND huyện B thực hiện theo quyết định và đã xây dựng Phương án hỗ trợ đất và tài sản trên đất kèm theo Quyết định số 1585/QĐ-UBND/QĐ-UBND ngày 04/9/2019 về việc phê duyệt Phương án hỗ trợ đất và tài sản trên đất Dự án tổng thể giải phóng mặt bằng khu đất công diện tích 60.602,9m^2 tại ấp 6, xã H. Theo đó tổng kinh phí hỗ trợ là 9.225.461.960 đồng (Trong đó, đơn giá hỗ trợ về đất bằng 80% đơn giá quy định tại Quyết định số 32/2018/QĐ-UBND ngày 20/12/2018 của UBND tỉnh; đơn giá hỗ trợ nhà, công trình phụ, vật kiến trúc bằng 80% đơn giá quy định tại Quyết định số 25/2015/QĐ-UBND ngày 22/7/2015 của UBND tỉnh; đơn giá hỗ trợ cây trồng, vật nuôi bằng 100% đơn giá quy định tại Quyết định số 25/2015/QĐ-UBND ngày 22/7/2015 của UBND tỉnh) và hỗ trợ khác bằng việc giao đất cho 14 hộ gia đình, cá nhân với tổng diện tích 6.165,4m^2.

Từ các cơ sở trên, UBND tỉnh khẳng định việc ban hành Quyết định thu hồi đất số 167/QĐ-UBND ngày 24/01/2017, sau đó điều chỉnh tại Quyết định số 161/QĐ-UBND ngày 18/01/2019 được thực hiện theo đúng trình tự và đúng đối tượng thu hồi theo quy định pháp luật về đất đai. Nội dung khiếu kiện hủy một phần các Quyết định trên của bà Lê Thị V là không có cơ sở.

**** Tại Văn bản trình bày ý kiến số 114/UBND-NC ngày 14/01/2021 của người bị kiện UBND huyện B trình bày:***

Ngày 23 tháng 12 năm 2015, Ủy ban nhân dân tỉnh D có Công văn số 4595/UBND-KTN về việc giao đất xây dựng Trung tâm văn hóa thể thao và Trường Mầm non xã H, huyện B.

Ngày 12 tháng 9 năm 2016, Ủy ban nhân dân huyện ban hành Kế hoạch số 94/KH-UBND về việc triển khai các bước thực hiện để giải phóng mặt bằng đối với khu đất công 59.291,3m² tại xã H.

- Ngày 14 tháng 10 năm 2016, Chi nhánh Trung tâm Phát triển quỹ đất phối hợp với địa phương thực hiện đo đạc, kiểm đếm tài sản trên đất đối với thửa đất số 77, tờ bản đồ 13, diện tích 3.062,4m² tại xã H hiện ông Nguyễn Văn T (bà Lê Thị V) đang sử dụng, thuộc khu đất công diện tích 60.602,9m^2 do Ủy ban nhân dân xã H quản lý.

Ngày 15 tháng 12 năm 2016, Ủy ban nhân dân huyện B ban hành Công văn số 3053/UBND-KT về việc hỗ trợ đối với các hộ dân sử dụng đất thuộc khu đất công 5,9ha xã H. Theo đó, thống nhất hỗ trợ về đất với mức hỗ trợ bằng 80% đơn giá quy định tại Quyết định số 66/2015/QĐ-UBND ngày 23 tháng 12 năm 2015 của Ủy ban nhân dân tỉnh D; hỗ trợ về nhà ở, các công trình phục vụ sinh hoạt bằng 80% đơn giá quy định tại Quyết định số 25/2015/QĐ-UBND ngày 22 tháng 7 năm 2015 của Ủy ban nhân dân tỉnh D; hỗ trợ về cây trồng và hoa màu bằng 100% đơn giá quy định tại Quyết định số 25/2015/QĐ-UBND ngày 22 tháng 7 năm 2015 của Ủy ban nhân dân tỉnh D đối với các hộ dân sử dụng đất thuộc khu đất công 5,9 ha xã H.

Ngày 24 tháng 01 năm 2017, Ủy ban nhân dân tỉnh D ban hành Quyết định số 167/QĐ-UBND về việc thu hồi khu đất công có diện tích 59.291,3m² do Ủy ban nhân dân xã H quản lý để đầu tư xây dựng Trung tâm văn hóa thể thao và Trường mầm non.

Ngày 15 tháng 2 năm 2017, Chi nhánh Trung tâm Phát triển quỹ đất phối hợp với địa phương tổ chức họp dân thực hiện niêm yết công khai, phổ biến các văn bản gồm: Công văn số 4595/UBND-KTN ngày 23 tháng 12 năm 2015 của Ủy ban nhân dân tỉnh D; Công văn số 3053/UBND-KT ngày 15 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban nhân dân huyện B; Quyết định số 3595/QĐ-UBND ngày 31 tháng 12 năm 2015 của Ủy ban nhân dân tỉnh D (phê duyệt kế hoạch sử dụng đất và danh mục dự án công trình thuộc diện thu hồi đất, chuyển mục đích sử dụng đất lúa năm 2016 huyện B).

Ngày 25 tháng 10 năm 2018, Ủy ban nhân dân huyện B ban hành Quyết định số 2297/QĐ-UBND về việc phê duyệt chủ trương đầu tư dự án tổng thể giải phóng mặt bằng khu đất công diện tích 60.602,9m² tại ấp 6, xã H.

Ngày 18 tháng 01 năm 2019, Ủy ban nhân dân tỉnh D ban hành Quyết định số 161/QĐ-UBND về việc điều chỉnh một số nội dung tại Quyết định số 167/QĐ-UBND ngày 24/01/2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc thu hồi khu đất công có diện tích 59.291,3m² do Ủy ban nhân dân xã H quản lý để đầu tư

xây dựng Trung tâm văn hóa thể thao và Trường mầm non.

Cùng ngày 18 tháng 01 năm 2019, Ủy ban nhân dân tỉnh D ban hành Công văn số 310/UBND-KT về việc xử lý kiến nghị liên quan đến điều chỉnh diện tích thu hồi tại Quyết định số 167/QĐ-UBND ngày 24/01/2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh. Theo đó, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh chấp thuận cho Ủy ban nhân dân huyện B được sử dụng 6.165,4m^2 trong tổng diện tích thu hồi 60.602,9m^2 thực hiện dự án Trung tâm văn hóa thể thao và Trường mầm non xã H để bồi thường bằng việc giao đất cho 14 hộ dân theo đề xuất của Sở Tài nguyên và Môi trường tại Văn bản số 6397/STNMT-CCQLĐĐ ngày 28 tháng 12 năm 2018.

Ngày 11 tháng 3 năm 2019, Ủy ban nhân dân huyện ban hành Công văn số 542/UBND-KT về việc hỗ trợ đối với các hộ dân sử dụng đất tại khu đất công 60.602,9m^2 xã H. Theo đó, thống nhất hỗ trợ về đất với mức hỗ trợ bằng 80% đơn giá quy định tại Quyết định số 32/2018/UBND ngày 20 tháng 12 năm 2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh D; hỗ trợ về nhà ở, các công trình phục vụ sinh hoạt bằng 80% đơn giá quy định tại Quyết định số 25/2015/QĐ-UBND ngày 22 tháng 7 năm 2015 của Ủy ban nhân dân tỉnh D và Quyết định số 03/2018/QĐ-UBND ngày 09 tháng 02 năm 2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh D; hỗ trợ về cây trồng và hoa màu bằng 100% đơn giá quy định tại Quyết định số 25/2015/QĐ-UBND ngày 22 tháng 7 năm 2015 của Ủy ban nhân dân tỉnh D và Quyết định số 03/2018/QĐ-UBND ngày 09 tháng 02 năm 2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh D.

Trung tâm Phát triển quỹ đất thực hiện áp giá, xây dựng dự thảo phương án hỗ trợ đất và tài sản trên đất (trong đó có hồ sơ hỗ trợ cho ông Nguyễn Văn T. Sau khi thông qua Hội đồng bồi thường thống nhất dự thảo phương án hỗ trợ đất và tài sản trên đất thì ngày 22 tháng 5 năm 2019, Trung tâm Phát triển quỹ đất phối hợp với địa phương tổ chức họp dân công khai dự thảo phương án hỗ trợ đất và tài sản trên đất, đồng thời niêm yết công khai dự thảo tại trụ sở Ủy ban nhân dân xã H và Văn phòng ấp 6, xã H.

Ngày 26 tháng 6 năm 2019, Trung tâm Phát triển quỹ đất phối hợp với địa phương lập biên bản kết thúc công khai dự thảo phương án hỗ trợ đất và tài sản trên đất. Sau khi kết thúc niêm yết công khai, ông Nguyễn Văn T và gia đình không ai có ý kiến đối với dự thảo phương án hỗ trợ đất và tài sản trên đất.

Ngày 04 tháng 9 năm 2019, Ủy ban nhân dân huyện ban hành Quyết định số 1585/QĐ-UBND về việc phê duyệt Phương án hỗ trợ đất và tài sản trên đất Dự án tổng thể giải phóng mặt bằng khu đất công diện tích 60.602,9m² tại ấp 6, xã H.

Ngày 10 tháng 9 năm 2019, Ủy ban nhân dân huyện B ban hành Quyết định số 1630/QĐ-UBND về việc phê duyệt kinh phí hỗ trợ đất và tài sản trên đất đối với hộ ông Nguyễn Văn T, địa chỉ: xã T, huyện B, tỉnh D với tổng kinh phí hỗ trợ đất và tài sản trên đất được phê duyệt là 441.137.800 đồng (trong đó: Hỗ trợ về đất là 350.820.800 đồng; hỗ trợ cây trồng là 90.317.000 đồng).

Ngày 11 tháng 9 năm 2019, Trung tâm Phát triển quỹ đất ban hành Thông báo số 50/TB-TTPTQĐ về việc nhận tiền hỗ trợ đất và tài sản trên đất Dự án

tổng thể giải phóng mặt bằng khu đất công diện tích 60.602,9m² tại ấp 6, xã H. Theo đó, đề nghị ông Nguyễn Văn T đến tại trụ sở Ủy ban nhân dân xã H lúc 09 giờ ngày 13 tháng 9 năm 2019 để nhận tiền hỗ trợ (Thông báo đã được gửi cho ông Nguyễn Văn T).

Ngày 13 tháng 9 năm 2019, Trung tâm Phát triển quỹ đất phối hợp với Ủy ban nhân dân, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam xã H và Trưởng ấp ấp 6, xã H thực hiện niêm yết công khai Quyết định số 1585/QĐ-UBND ngày 04 tháng 9 năm 2019 của Ủy ban nhân dân huyện tại trụ sở Ủy ban nhân dân xã H và Văn phòng ấp 6, xã.

Trung tâm Phát triển quỹ đất huyện phối hợp với Ủy ban nhân dân xã H tổ chức công bố, bàn giao và thực hiện Quyết định số 1630/QĐ-UBND ngày 10 tháng 9 năm 2019 của Ủy ban nhân dân huyện B về việc phê duyệt kinh phí hỗ trợ đất và tài sản trên đất đối với hộ ông Nguyễn Văn T để thực hiện Dự án tổng thể giải phóng mặt bằng khu đất công diện tích 60.602,9m² tại ấp 6, xã H. Tại buổi làm việc, bà Lê Thị V (vợ ông Nguyễn Văn T) đại diện ông Nguyễn Văn T không đồng ý nhận Quyết định nêu trên và không đồng ý nhận tiền hỗ trợ với lý do: Khi nào Nhà nước giao giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (đối với phần diện tích đất giao lại) cho tôi thì tôi mới đồng ý nhận tiền hỗ trợ và bàn giao mặt bằng.

Ngày 10 tháng 10 năm 2019, Trung tâm Phát triển quỹ đất huyện phối hợp với Ủy ban nhân dân xã H chi trả tiền hỗ trợ cho ông Nguyễn Văn T; đồng thời, thực hiện công bố, bàn giao Quyết định số 1630/QĐ-UBND ngày 10 tháng 9 năm 2019 của Ủy ban nhân dân huyện B về việc phê duyệt kinh phí hỗ trợ đất và tài sản trên đất đối với hộ ông Nguyễn Văn T để thực hiện Dự án tổng thể giải phóng mặt bằng khu đất công diện tích 60.602,9m² tại ấp 6, xã H. Tại buổi làm việc, ông Nguyễn Văn T đồng ý nhận quyết định, nhận tiền hỗ trợ và có ý kiến: "Khi nào có giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với phần diện tích đất giao lại thì tôi mới thanh lý tài sản trên đất và bàn giao mặt bằng"

Ngày 10 tháng 8 năm 2020, Trung tâm Phát triển quỹ đất ban hành Thông báo số 82/TB-TTPTQĐ về việc giải tỏa tài sản trên đất và bàn giao mặt bằng để thực hiện Dự án tổng thể giải phóng mặt bằng khu đất công diện tích 60.602,9m² tại ấp 6, xã H. Theo đó, đề nghị ông Nguyễn Văn T giải tỏa tài sản trên đất và bàn giao mặt bằng để thực hiện Dự án (thời gian thực hiện đến hết ngày 31 tháng 8 năm 2020).

Ngày 13 tháng 8 năm 2020, Trung tâm Phát triển quỹ đất phối hợp với Ủy ban nhân dân xã H tổ chức công bố, bàn giao Thông báo số 82/TB-TTPTQĐ ngày 10 tháng 8 năm 2020 của Trung tâm Phát triển quỹ đất cho ông Nguyễn Văn T. Tại buổi làm việc, bà Lê Thị V (vợ ông T) đã nhận và nghe thông qua thông báo.

Ngày 14 tháng 9 năm 2020, Trung tâm Phát triển quỹ đất phối hợp với Phòng Tài nguyên Môi trường, Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai và Ủy ban nhân dân xã H thực hiện bàn giao cọc mốc, vị trí lô đất cho ông Nguyễn Văn T. Tuy nhiên, ông T vắng mặt không lý do.

Ngày 08 tháng 10 năm 2020, Trung tâm Phát triển quỹ đất phối hợp với Ủy ban nhân dân và Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam xã H tổ chức vận động 05 hộ dân giải tỏa và bàn giao mặt bằng (trong đó có hộ ông Nguyễn Văn T). Tại buổi làm việc 05 hộ có ý kiến giống nhau: Hiện nay chúng tôi đang chờ Ủy ban nhân dân tỉnh trả lời đơn khiếu nại quyết định thu hồi đất và chờ Tòa án nhân dân tỉnh giải quyết đơn khởi kiện ông Võ Thành G - Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện B. Do đó, tôi chưa đồng ý giải tỏa tài sản trên đất và bàn giao mặt bằng.

Các bước thực hiện công tác bồi thường, giải phóng mặt bằng và việc lập, thẩm định, phê duyệt, thực hiện phương án hỗ trợ đất và tài sản trên đất dự án tổng thể giải phóng mặt bằng khu đất công diện tích 60.602,9m^2 (phê duyệt tại Quyết định số 1585/QĐ-UBND ngày 04 tháng 9 năm 2019 của Ủy ban nhân dân huyện B) được thực hiện theo đúng quy định tại Quyết định số 51/2014/QĐ-UBND ngày 18 tháng 12 năm 2014 của Ủy ban nhân dân tỉnh D ban hành quy định về chính sách, trình tự, thủ tục bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh D.

Do đó, đề nghị Tòa án bác yêu cầu *"Hủy Quyết định số 1585/QĐ-UBND ngày 04 tháng 9 năm 2019 của Ủy ban nhân dân huyện B về việc phê duyệt phương án hỗ trợ đất và tài sản trên đất dự án tổng thể giải phóng mặt bằng khu đất công diện tích 60.602,9m^2"* của người khởi kiện.

Mặt khác, ngày 13 tháng 9 năm 2019, Trung tâm Phát triển quỹ đất phối hợp với Ủy ban nhân dân, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam xã H và Trưởng ấp 6, xã H thực hiện niêm yết công khai Quyết định số 1585/QĐ-UBND ngày 04 tháng 9 năm 2019 của Ủy ban nhân dân huyện tại trụ sở Ủy ban nhân dân xã H và Văn phòng ấp 6, xã H, tuy nhiên đến ngày 13 tháng 10 năm 2020, bà Lê Thị V mới có Đơn sửa đổi, bổ sung đơn khởi kiện gửi Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương. Căn cứ khoản 1 và khoản 2 Điều 116 Luật Tố tụng hành chính năm 2015 thì việc bà Lê Thị V khởi kiện yêu cầu *"Hủy quyết định số 1585/QĐ-UBND ngày 04 tháng 9 năm 2019 của Ủy ban nhân dân huyện B về việc phê duyệt phương án hỗ trợ đất và tài sản trên đất dự án tổng thể giải phóng mặt bằng khu đất công diện tích 60.602,9m^2"* là không có cơ sở xem xét, giải quyết, do đã hết thời hiệu khởi kiện.

**** Tại Văn bản số 91/UBND ngày 17/6/2021, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan UBND xã H, huyện B trình bày:***

Ngày 23/12/2015, Ủy ban nhân dân tỉnh D có Công văn số 4595/UBND-KTN về việc giao đất xây dựng Trung tâm văn hóa thể thao và Trường Mầm non xã H, huyện B.

Ngày 12/9/2016, Ủy ban nhân dân huyện ban hành Kế hoạch số 94/KH-UBND về việc triển khai các bước thực hiện để giải phóng mặt bằng đối với khu đất công 59.291,3m^2 tại xã H.

Ngày 24/01/2017, Ủy ban nhân dân tỉnh D ban hành Quyết định số 167/QĐ-UBND về việc thu hồi khu đất công có diện tích 59.291,3m^2 do Ủy ban

nhân dân xã H quản lý để đầu tư xây dựng Trung tâm văn hóa thể thao và Trường mầm non.

Ngày 18/01/2019, Ủy ban nhân dân tỉnh D ban hành Quyết định số 161/QĐ-UBND về việc điều chỉnh một số nội dung tại Quyết định số 167/QĐ-UBND ngày 24/01/2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc thu hồi khu đất công có diện tích 59.291,3m^2 do Ủy ban nhân dân xã H quản lý để đầu tư xây dựng Trung tâm văn hóa thể thao và Trường mầm non. Theo đó, điều chỉnh các nội dung như sau:

- Điều chỉnh diện tích thu hồi tại Quyết định số 167/QĐ-UBND và 59.291,3m^2 thành 60.602,9m^2 do Ủy ban nhân dân xã H quản lý để đầu tư xây dựng Trung tâm văn hóa thể thao; Trường mầm non và giao đất cho các hộ dân thuộc dự án theo quy định.

- Điều chỉnh Điều 1 tại Quyết định số 167/QĐ-UBND thành "thu hồi diện tích 60.602,9m^2 do Ủy ban nhân dân xã H quản lý tại các thửa đất số 72, 73, 74, 75, 76, 77, 78, 79, 84, 85, 90, 91, 5000, tờ bản đồ số 13 tại xã H, huyện B (theo mảnh trích lục địa chính có đo đạc chỉnh lý đã được Sở Tài nguyên và Môi trường phê duyệt ngày 25/5/2018). Lý do: Đầu tư xây dựng Khu Trung tâm văn hóa thể thao, Trường mầm non với diện tích 54.437,5m^2 và giao đất cho các hộ gia đình, cá nhân đang trực tiếp sản xuất nông nghiệp với diện tích 6.165,4m^2 tại khu đất nêu trên theo quy định".

- Điều chỉnh điểm a khoản 2 Điều 2 tại Quyết định số 167/QĐ-UBND thành "a) Lập phương án hỗ trợ di dời, giải phóng mặt bằng đối với từng thửa đất thuộc khu đất 60.602,9m^2. Phương án hỗ trợ phải gắn với điều kiện sống, sinh hoạt cụ thể của từng hộ gia đình và chính sách về an sinh xã hội đang thực hiện tại địa phương".

Trong quá trình quản lý đất tại địa phương, Ủy ban nhân dân xã H đã nhiều lần thông báo bằng văn bản đến từng hộ dân không được phép trồng cây lâu năm, không được xây dựng nhà ở trên đất khi chưa được sự đồng ý của Ủy ban nhân dân xã, đồng thời khẳng định khu đất diện tích 60.602,9m^2 (theo đo đạc hiện trạng) đất tại ấp 6, xã H là đất công ích do Ủy ban nhân dân xã trực tiếp quản lý, thể hiện rõ tại các văn bản sau:

- Khu vực đất mà 13 hộ dân lấn chiếm nêu trên là của các hộ dân đi lập nghiệp kinh tế năm 1976; đến năm 1983 Công ty Cao su P quy hoạch vùng đất nêu trên cho Nông trường Cao su T5 có sơ đồ vị trí đất quy hoạch của Công ty Cao su P và đã bồi thường cho các hộ dân có đất đất quy hoạch ấp 6 vào năm 1986. Đến năm 1995, Công ty Cao su P không sử dụng những phần đất quy hoạch nêu trên đã có văn bản trao trả lại cho xã vào ngày 07/11/1995; ký văn bản trao trả giữa xã, huyện, Nông trường Cao su H và Công ty Cao su P. Năm 1995, Ủy ban nhân dân xã đã có thông báo đến các hộ dân ấp 06 chiếm dụng đất nằm trong vùng quy hoạch không được trồng cây lâu năm và xây cất nhà dù là nhà chòi canh.

- Thông báo số 01/TB-UB ngày 28/7/1995 về việc công nhân viên và nhân dân địa phương không được trồng cây lâu năm và xây cất trên khu đất quy

hoạch ấp 6 xã H.

- Ngày 10/8/1997, UBND xã H lập dự án quy hoạch khu trung tâm hành chính và các công trình công cộng của xã H. Đến ngày 05/9/1997 thì được Ủy ban nhân dân huyện phê duyệt.

- Thông báo số 04/TB-UBND ngày 08 tháng 3 năm 2006 của UBND xã H về việc Giải tỏa, di dời và thu hồi đất công quy hoạch tại ấp 6 xã H.

- Tại Báo cáo số 16/BC-UBND ngày 03 tháng 5 năm 2012 về việc quản lý và sử dụng đất công của xã H; Báo cáo số 31/BC-UBND ngày 25 tháng 7 năm 2012 về việc thanh tra, kiểm tra việc quản lý và sử dụng đất công của xã H và Báo cáo số 30/BC-UBND ngày 23/7/2014 về việc quản lý và sử dụng đất công của Ủy ban nhân dân xã H đều khẳng định khu đất diện tích 60.602,9m^2 (theo đo đạc hiện trạng) tại ấp 6, xã H là đất công ích do Ủy ban nhân dân xã trực tiếp quản lý.

Ủy ban nhân dân xã H khẳng định diện tích 3.062,4m^2 tại xã H hiện ông Nguyễn Văn T (chồng bà Lê Thị V) chiếm sử dụng trồng cây lâu năm, là diện tích đất thuộc khu đất công diện tích 60.602,9m^2 do Ủy ban nhân dân xã H quản lý nguồn gốc được Công ty Cao su P bàn giao theo biên bản bàn giao diện tích đất giữa Công ty Cao su P và Ủy ban nhân dân xã H ngày 07/11/1995.

Việc Ủy ban nhân dân huyện B ban hành Quyết định số 1585/QĐ-UBND ngày 04/9/2019 về việc phê duyệt phương án hỗ trợ đất và tài sản trên đất dự án tổng thể giải phóng mặt bằng khu đất công diện tích 60.602,9m^2 tại ấp 6, xã H là phù hợp với quy định hiện hành.

Vì vậy đề nghị Tòa án bác yêu cầu "Hủy một phần Quyết định số 1585/QĐ-UBND ngày 04/9/2019 của Ủy ban nhân dân huyện B về việc phê duyệt phương án hỗ trợ đất và tài sản trên đất dự án tổng thể giải phóng mặt bằng khu đất công diện tích 60.602,9m^2; Hủy một phần của Quyết định số 167/QĐ-UBND về việc thu hồi khu đất công có diện tích 59.291,3m^2 do Ủy ban nhân dân xã H quản lý để đầu tư xây dựng Trung tâm văn hóa thể thao và Trường mầm non; Hủy một phần của Quyết định số 161/QĐ-UBND về việc điều chỉnh một số nội dung tại Quyết định số 167/QĐ-UBND ngày 24/01/2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc thu hồi khu đất công có diện tích 59.291,3m^2 do Ủy ban nhân dân xã H quản lý để đầu tư xây dựng Trung tâm văn hóa thể thao và Trường mầm non, của người khởi kiện do không có cơ sở để xem xét giải quyết.

Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan khác là: Ông Nguyễn Văn T, ông Nguyễn Văn T2, bà Lê Trần Lệ N, bà Nguyễn Lê Thùy D, bà Nguyễn Thị T3, cháu Huỳnh Minh Đ và cháu Huỳnh Minh T4, (có người đại diện theo pháp luật: Bà Nguyễn Thị T3, là mẹ ruột), cháu Nguyễn Bá Kh và cháu Nguyễn Bá T4 (có người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Văn T2 và bà Lê Trần Lệ N là cha, mẹ ruột) là những thành viên trong hộ gia đình bà Lê Thị V vắng mặt và có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt.

Tại bản án hành chính sơ thẩm số 29/2021/HCST ngày 31-12-2021 của Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương quyết định:

Áp dụng khoản 1 Điều 30, khoản 3, 4 Điều 32, khoản 1 và khoản 2 Điều 116, khoản 1 Điều 157, Điều 164, khoản 1 và điểm a khoản 2 Điều 193, Điều 194, Điều 204 và Điều 206 Luật Tố tụng hành chính năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 66, Điều 69, Điều 74, Điều 75, Điều 100, Điều 101 Luật Đất đai năm 2013; khoản 3 Điều 21, Điều 121 và 122 Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2015.

Tuyên xử: Bác yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị V về việc yêu cầu hủy một phần các quyết định hành chính sau: Quyết định số 1585/QĐ-UBND ngày 04/9/2019 của UBND huyện B về việc phê duyệt Phương án hỗ trợ đất và tài sản trên đất Dự án tổng thể giải phóng mặt bằng khu đất công diện tích 60.602,9 m^2 tại ấp 6, xã H; Quyết định số 167/QĐ-UBND ngày 24/01/2017 của UBND tỉnh D về việc thu hồi đất công có diện tích 59.291,3m^2 do UBND xã H quản lý để đầu tư xây dựng Trung tâm văn hóa thể thao và Trường mầm non và Quyết định số 161/QĐ-UBND ngày 18/01/2019 của UBND tỉnh D về việc điều chỉnh một số nội dung tại Quyết định số 167/QĐ-UBND ngày 24/01/2017 liên quan đến thửa đất số 77, tờ bản đồ số 13 tại ấp 6, xã H.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về phần án phí và quyền kháng cáo theo luật định.

Ngày 13/01/2022 bà Lê Thị V có đơn kháng cáo với nội dung kháng cáo toàn bộ bản án hành chính sơ thẩm với lý do cấp sơ thẩm chưa xem xét khách quan và chưa đánh giá toàn diện chứng cứ.

Tại phiên tòa phúc thẩm, bà Lê Thị V có đơn xin xét xử vắng mặt, tòa án tiến hành xét xử vắng mặt theo quy định.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bà Lê Thị V có đơn xin xét xử vắng mặt đồng thời gửi bản luận cứ bảo vệ quyền lợi ích hợp pháp của bà V, đề nghị cấp phúc thẩm xem xét về nguồn gốc quá trình sử dụng đất của gia đình ông T bà V quản lý và canh tác ổn định, không tranh chấp, có thực hiện đóng thuế; Đối với Quyết định 1585/QĐ-UBND ngày 04/9/2019 của Ủy ban nhân dân huyện B; Quyết định số 167/QĐ-UBND ngày 24/01/2017 và Quyết định số 161/QĐ-UBND ngày 18/01/2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh D về việc thu hồi đất công. Tòa án cấp sơ thẩm áp dụng pháp luật nhưng không phân tích đánh giá và dựa vào đó bác yêu cầu của người khởi kiện là chưa đảm bảo tính khách quan. Về Quyết định số 59/NQ-HĐND ngày 16/12/2016 của HĐND tỉnh D và được phê duyệt bằng Quyết định số 3784/QĐ-UBND ngày 30/12/2016. Dự án xây dựng khu trung tâm Văn hóa thể thao và trường mầm non thể hiện nội dung thửa đất số 77 tờ bản đồ số 13 của bà V không

thuộc quy hoạch theo Nghị quyết số 59 của Hội đồng nhân dân tỉnh D cho thấy việc Ủy ban tỉnh thu hồi đất không bồi thường về đất cho gia đình bà V là không đúng quy định của pháp luật, đề nghị cấp phúc thẩm sửa toàn bộ bản án sơ thẩm, chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị V.

Đại diện Viện kiểm sát cấp cao tham gia phiên tòa:

-Về hình thức: Hội đồng xét xử đã tuân thủ đúng trình tự thủ tục theo quy định của Luật Tố tụng hành chính. Các đương sự đã được thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ theo quy định của Luật Tố tụng hành chính, đơn kháng cáo của Lê Thị V làm trong hạn luật định nên được chấp nhận xem xét theo thủ tục phúc thẩm.

-Về nội dung: Phần diện tích đất bà V bị thu hồi có nguồn gốc theo Quyết định 326-CT ngày 31/12/1986 của Chủ tịch Hội đồng bộ trưởng về phê duyệt các dự án đầu tư của Liên hiệp các xí nghiệp cao su P, sau đó Ủy Ban Nhân Dân xã H có thông báo số 01/TB-UB về việc đề nghị Nông trường cao su T5 và cán bộ công nhân viên đang sử dụng đất của nông trường (trong đó có hộ ông T bà V) không được phép trồng cây lâu năm, xây cất nhà trên phần diện tích đất khi chưa có sự đồng ý của Nông trường cao su và Ủy ban nhân dân xã. Ủy ban nhân dân xã H nhận diện tích 657 ha của nông trường giao trả từ ngày 07/11/1995. Ủy ban nhân dân huyện B ban hành Quyết định 1630/QĐ-UBND phê duyệt kinh phí hỗ trợ đất và tài sản cho hộ ông Nguyễn Văn T có hỗ trợ đất và hỗ trợ cây trồng vật nuôi, bố trí tái định cư là thực hiện đúng quy định của pháp luật về đất đai. Bà V cho rằng sử dụng đất ổn định lâu dài không tranh chấp, không vi phạm pháp luật về đất đai và đủ điều kiện cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nên khi bồi thường phải bồi thường giá trị đất cho bà là không có căn cứ, kháng cáo của bà không có cơ sở chấp nhận, đề nghị hội đồng xét xử bác kháng cáo của bà V và giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

Sau khi nghiên cứu các tài tiệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Người khởi kiện, Người bảo vệ quyền lợi ích hợp pháp của người khởi kiện, đại diện người bị kiện và những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có đơn xin xét xử vắng mặt, Tòa án vẫn xét xử vắng mặt người bị kiện theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 225 Luật Tố tụng hành chính.

[2] Về hình thức: đơn kháng cáo của bà Lê Thị V, làm trong hạn luật định nên được chấp nhận xem xét theo thủ tục phúc thẩm.

[3] Về nội dung: Xét kháng cáo của bà Lê Thị V, Hội đồng xét xử có nhận định như sau:

Xét về nguồn gốc và quá trình sử dụng đất bà Lê Thị V cho rằng trong các hộ làm kinh tế mới được Nhà nước phân cấp đất để xây dựng canh tác là ông Nguyễn Văn B, ông B đã chuyển nhượng đất và hoa màu cho gia đình bà vào ngày 15/6/1991 bằng giấy viết tay có xác nhận của chính quyền. Tuy nhiên căn cứ theo Quyết định số 326/CT ngày 31/12/1986 của Chủ tịch hội đồng bộ trưởng về việc phê duyệt dự án đầu tư Liên hiệp cho các xí nghiệp cao su P của Tổng cục cao su và Quyết định số 01/QĐ-UB ngay 06/01/1989 của Ủy ban nhân dân tỉnh S (nay là tỉnh D) về việc thuận quy hoạch ranh giới đất trồng cao su của các Công ty Cao su Trung ương trên địa bàn tỉnh S năm 1988, thì thấy rằng phần đất bà V khởi kiện đã được Ủy ban nhân dân giao để thực hiện dự án đầu tư cho các Công ty cao su.

Bà V cho rằng ngày 15/6/1991 vợ chồng bà mua của ông Nguyễn Văn B có ký "Giấy sang nhượng đất và hoa màu" được xác nhận của Ban ấp 6 xã H, tuy nhiên thời điểm này việc mua bán chuyển nhượng là không được phép theo Điều 5 Luật Đất đai năm 1987 quy định: "Nghiêm cấm việc mua, bán, lấn, chiếm đất đai, phát canh thu tô dưới mọi hình thức, nhận đất được giao mà không sử dụng, sử dụng không đúng mục đích, tự tiện sử dụng đất nông nghiệp, đất có rừng vào mục đích khác, làm huỷ hoại đất đai." Nên việc mua bán giữa vợ chồng bà với ông B là trái quy định của pháp luật. Vì vậy Ủy ban nhân dân tỉnh có Quyết định thu hồi đất là có căn cứ, đúng pháp luật.

Trường hợp sử dụng đất của bà V tuy chưa đủ điều kiện được bồi thường theo quy định tại Điều 75 Luật Đất đai năm 2013 nhưng đã được Ủy ban nhân dân ban hành Quyết định số 1630/QĐ-UBND về việc phê duyệt kinh phí hỗ trợ đất và tài sản trên đất đối với hộ ông Nguyễn Văn T, địa chỉ: xã T, huyện B, tỉnh D với tổng kinh phí hỗ trợ đất và tài sản trên đất được phê duyệt là 441.137.800 đồng (trong đó: Hỗ trợ về đất là 350.820.800 đồng; hỗ trợ cây trồng là 90.317.000 đồng). Quyết định hỗ trợ được ban hành đúng trình tự thủ tục.

Tại phiên tòa hôm nay bà Lê Thị V, người bảo vệ quyền lợi ích hợp pháp của bà V có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, tại bản luận cứ, luật sư vẫn giữ nguyên quan điểm, ý kiến như đã trình bày tại cấp sơ thẩm, các ý kiến nêu ra cấp sơ thẩm đã nhận định đầy đủ, tại cấp phúc thẩm người khởi kiện và người bảo vệ quyền lợi ích hợp pháp không cung cấp được các tài liệu, đồng thời cũng không cung cấp bổ sung chứng cứ nào khác.

Như vậy, các yêu cầu của bà Lê Thị V là không có cơ sở chấp nhận.

[4] Về án phí: do không chấp nhận kháng cáo, bà Lê Thị V phải chịu án phí phúc thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 241 Luật tố tụng hành chính năm 2015;

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Bác kháng cáo của bà Lê Thị V, giữ nguyên bản án hành chính sơ thẩm số 29/2021/HCST ngày 31 tháng 12 năm 2021 của Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương, tuyên xử:

Không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị V về yêu cầu hủy một phần các quyết định:

- Quyết định số 1585/QĐ-UBND ngày 04/9/2019 của UBND huyện B đối với phần hỗ trợ diện tích đất 3.062,4m^2;

- Quyết định số 167/QĐ-UBND ngày 24/01/2017 của UBND tỉnh D về việc thu hồi đất công có diện tích 59.291,3m^2 do UBND xã H quản lý để đầu tư xây dựng Trung tâm văn hóa thể thao và Trường mầm non;

- Quyết định số 161/QĐ-UBND ngày 18/01/2019 của UBND tỉnh D về việc điều chỉnh một số nội dung tại Quyết định số 167/QĐ-UBND ngày 24/01/2017.

2. Về án phí: bà Lê Thị V phải chịu 300.000 đồng án phí hành chính phúc thẩm được trừ vào tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 000066 ngày 21/01/2022 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Bình Dương.

Bản án có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM

Thành viên Hội đồng xét xử		**Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa**
Nguyễn Văn Minh	**Phạm Trí Tuấn**	**Phan Tô Ngọc**

***Nơi nhận**:*
- Tòa án nhân dân tối cao;
- VKSND CC tại TP Hồ Chí Minh;
- Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương;
- VKSND tỉnh Bình Dương;
- Sở tư pháp tỉnh Bình Dương;
- Cục THADS tỉnh Bình Dương;
- Các đương sự;
- Lưu HSVA, Lưu LTHS (18) (ĐHV)

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phan Tô Ngọc